

HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT *MIỀN CHÁY* CỦA NGUYỄN MINH CHÂU

Phan Văn Tiến*, Phạm Thị Thúy Kiều, La Thị Mỹ Hạnh và Huỳnh Ngọc Kha

Trường Đại học Tây Đô

(*Email: phanvantien1984@gmail.com)

Ngày nhận: 01/10/2021

Ngày phản biện: 05/01/2022

Ngày duyệt đăng: 01/3/2022

TÓM TẮT

Trong tiểu thuyết Miền cháy, nhà văn Nguyễn Minh Châu đã xây dựng hình tượng nhân vật như một phương thức đặc lực trong việc phản ánh tâm hồn và phẩm chất của nhân dân Việt Nam. Trong chiến tranh, họ sống và chiến đấu một lòng vì quê hương, trung thành tuyệt đối với cách mạng và gắn bó keo sơn trong tình đồng đội, đồng bào. Ngày hòa bình, họ lại tiếp tục ra sức kiến thiết những miền đất cháy và hàn gắn vết thương chiến tranh còn hiện diện trong mỗi con người và mỗi mái nhà. Vượt lên trên tất cả là tình người, là tinh thần đoàn kết dân tộc và chủ nghĩa nhân đạo cao cả, điều đã làm nên sức mạnh lớn lao và chất keo kết dính để giúp con người Việt Nam vững vàng vượt qua mọi thử thách của cuộc sống. Thành công của việc xây dựng hình tượng nhân vật trong tiểu thuyết Miền cháy đã một lần nữa thể hiện rõ tư duy nghệ thuật cấp tiến và tài nghệ của Nguyễn Minh Châu, góp phần đáng kể vào sự nghiệp hiện đại hóa văn học Việt Nam.

Từ khóa: Hình tượng nhân vật, Nguyễn Minh Châu, tiểu thuyết Miền cháy

Trích dẫn: Phan Văn Tiến, Phạm Thị Thúy Kiều, La Thị Mỹ Hạnh và Huỳnh Ngọc Kha, 2022. Hình tượng nhân vật trong tiểu thuyết Miền Cháy của Nguyễn Minh Châu. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 14: 160-177.

*Ths. Phan Văn Tiến – Chuyên viên Trung tâm Khảo thí, Trường Đại học Tây Đô

1. GIỚI THIỆU

Hình tượng là các khách thể đời sống được nghệ sĩ tái hiện bằng tưởng tượng sáng tạo trong những tác phẩm nghệ thuật. Nó được sáng tạo, được khái quát không phải là cái sao chép, cái có sẵn, mà là một hệ thống của nhiều yếu tố được bàn tay kì diệu của nghệ sĩ tổ chức nên. Vì hình tượng nghệ thuật không có yếu tố thừa và thiếu, mọi yếu tố đều có chức năng riêng nhưng lại phù hợp với nhau, có mối liên hệ đa dạng mà thống nhất, phức tạp mà hoàn chỉnh. Tài năng tổ chức hình tượng, tác phẩm của nhà văn làm cho hình tượng có tính nghệ thuật và kết cấu. Mỗi nhà văn có một cách nhìn cuộc sống khác nhau và xây dựng những nhân vật khác nhau. Theo Lê Lưu Oanh, *“Hình tượng là phương thức phản ánh thế giới đặc thù của văn học bằng những hình thức đời sống, được sáng tạo bằng hư cấu, tưởng tượng, vừa cụ thể vừa khái quát, thể hiện tư tưởng và tình cảm con người”* (Lê Lưu Oanh và Phạm Đăng Dư, 2008).

Hình tượng nhân vật là con người được miêu tả, thể hiện trong tác phẩm bằng phương tiện văn học. Hình tượng nhân vật là khái quát những quy luật của cuộc sống con người, thể hiện những hiểu biết, những ước ao và kì vọng về con người. Nhà văn sáng tạo nhân vật là để thể hiện những cá nhân xã hội nhất định và quan niệm về các cá nhân đó. Đặc trưng của hình tượng nghệ thuật là ở chỗ tính sinh động của chi tiết, của hiện thực được phản ánh, chiều sâu nhận thức và tầm cao ý nghĩa của tư tưởng. Nó có tính thống nhất giữa các mối liên hệ và sự phù hợp giữa các yếu tố, sự

hoàn thiện của hệ thống ngôn từ. *“Đặc trưng của hình tượng nghệ thuật không giản đơn chỉ là sự thống nhất giữa cái cá biệt, cụ thể, cảm tính và cái chung, mà ở chính thể các quan hệ xã hội – thâm mĩ được thể hiện”* (Phương Lưu, 1997). Do đó, hình tượng bao giờ cũng là kết quả của tình cảm chín muồi của nhà văn trước những vấn đề đời sống.

Nguyễn Minh Châu là nhà văn tài năng, thành công với nhiều thể loại. Quá trình sáng tác của ông đã gặt hái được nhiều thành tựu với các thể loại khác nhau như tiểu thuyết, truyện vừa và truyện ngắn như: *Cửa sông* (tiểu thuyết, 1967), *Những vùng trời khác nhau* (tập truyện ngắn, 1970), *Dấu chân người lính* (tiểu thuyết, 1972), *Từ già tuổi thơ* (tiểu thuyết, 1974), *Miền cháy* (tiểu thuyết, 1977), *Lửa từ những ngôi nhà* (tiểu thuyết, 1977), *Những ngày lưu lạc* (tiểu thuyết, 1981), *Những người đi từ trong rừng ra* (tiểu thuyết, 1982), *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (tập truyện ngắn, 1983), *Bên quê* (tập truyện ngắn, 1985), *Đảo đá kì lạ* (tiểu thuyết, 1985), *Mảnh đất tình yêu* (tiểu thuyết, 1987), *Chiếc thuyền ngoài xa* (tập truyện ngắn, 1987), *Cỏ lau* (truyện vừa, 1989),... Hàng loạt tác phẩm ra đời đều là những bản anh hùng ca, ca ngợi mảnh đất quê hương và những người chiến sĩ hết lòng hy sinh vì Tổ quốc.

Sau năm 1975, khi đất nước hoàn toàn giải phóng trong khi nhiều nhà văn khác vẫn tập trung vào các tỉnh miền Nam ca ngợi chiến thắng hào hùng. Riêng Nguyễn Minh Châu lại hăm hở quay trở lại chiến trường Quảng Trị, nơi mà ông đã từng nhiều năm gắn bó trong

chiến tranh và am hiểu từng tác đất, từng con người. Nhà văn đã tự thú nhận trong một bức thư gửi người bạn rằng: “*Tôi quay trở về miền Trung, lại về Quảng Trị, về những đôn bốt giữa cồn cát trắng phau và những xóm làng hoang đến rợn người, tôi về cái xứ người chết đầy vui tươi (những khu tha ma rộng bát ngát và rục rờ dưới trời xanh) và cái thế giới người sống thì vắng ngắt, cái xứ mà sự hận thù, giết chóc, li tán đã trở thành nếp sống*”. (Nhiều tác giả, 2016). Từ sự gắn bó tha thiết ấy đã trở thành bối cảnh của tiểu thuyết *Miền cháy* ra đời năm 1977. Tác phẩm gợi cho ta nhớ về những trận đánh đã đi vào lịch sử dân tộc như trận ở Khe Sanh – Đường 9 Nam Lào. Đồng thời, còn là minh chứng cho sự thành công của Nguyễn Minh Châu về thể loại tiểu thuyết.

Tiểu thuyết *Miền cháy* là tác phẩm đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng trong sự đổi mới tư duy sáng tác của Nguyễn Minh Châu. Tác phẩm là lời dự báo về những vấn đề của đất nước sau chiến tranh như công cuộc ổn định đời sống con người, xây dựng lại đất nước và cả việc phòng tránh chủ nghĩa cá nhân đang ngấm dấy lên trong lòng con người, đặc biệt là ở người cán bộ. Trong tác phẩm, nhà văn đã thành công trong việc xây dựng nhân vật, việc miêu tả tình tiết, luôn có sức hấp dẫn, không nhàm chán và thu hút người đọc. Tìm hiểu hình tượng nhân vật trong tiểu thuyết *Miền cháy* của Nguyễn Minh Châu, chúng ta sẽ có cách nhìn về hình tượng nhân vật trong văn học, về phong cách viết văn và quan niệm của nhà văn về cuộc sống.

2. NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT *MIỀN CHÁY*

Nhân vật trong tiểu thuyết của Nguyễn Minh Châu được ông nhìn dưới những góc độ khác nhau từ những mối quan hệ bình thường trong cuộc sống. Đặt nhân vật người lính vào trong đời sống sinh hoạt ngày thường, nhà văn cũng nhìn nhận một vấn đề sâu xa nhất của đời sống con người sau chiến tranh với những điều nóng bỏng, phức tạp của từng số phận con người. Tác phẩm, nhờ đó, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Điều này được nhà văn Nguyễn Minh Châu tái hiện sống động trong tiểu thuyết *Miền cháy* qua hình tượng nhân vật giàu lòng yêu thương đồng đội và gắn bó với cách mạng, tình cảm tốt đẹp của nhân vật sau chiến tranh.

2.1. Tình cảm tốt đẹp của nhân vật trong chiến tranh

2.1.1. Nhân vật giàu lòng yêu thương đồng đội

Tiểu thuyết *Miền cháy* đã làm nổi bật lên tinh thần yêu thương, che chở cho nhau giữa những người đồng đội, chiến sĩ trong thời kháng chiến. Ngay thời điểm cuộc kháng chiến diễn ra ác liệt nhất, trong khi Hiền và Nghĩa được giao nhiệm vụ thâm nhập vào địa phận của địch thì bấy giờ, khối người cùng cơ sở lực lượng của xã Triệu Phú đều bị bại lộ. Là một cô gái trẻ tuổi nhưng Cúc rất có tinh thần chiến đấu và không hề sợ hãi. Cô giả làm người điên lặn lội đi tìm Hiền và Nghĩa rồi giúp đỡ hai người đồng đội của mình: “*Cúc đưa hai người bò vòng vèo qua nhiều địa hình, vượt qua tuyến ngăn chặn của thiết giáp và*

thủy quân lục chiến, rồi lại vượt qua một cái yên ngựa trên động cát bộn địa phương đang đóng, tìm cách bò vào trong một xóm lạch lẽ hoang vắng như cái nghĩa địa. Cúc đưa hai người xuống hầm bí mật của mình” (Nguyễn Minh Châu, 1997).

Trong cái thời khắc nguy hiểm chỉ cần lệch một bước chân cũng có thể chết, vậy mà một người con gái như Cúc lại không quản nguy hiểm luôn giúp đỡ hỗ trợ hết mình cho hai người đồng đội của mình thật là một điều đáng quý. Trong giây phút xúc động ấy, Nghĩa đã không kìm được nước mắt. Anh cảm nhận được tất cả tình đồng chí, tình yêu quê hương, làng xóm đều gói gọn trong giây phút này. Luôn may mắn vượt qua nhiều lần nguy hiểm trong những trận chiến ác liệt nhất, nhưng không ai ngờ được Nghĩa lại chết khi tiếng súng cuối cùng của chiến tranh vừa chấm dứt. Khi hòa bình, Hiền cùng đại đội trở về Quảng Trị, nơi mà anh và người đồng đội của mình gắn bó qua nhiều năm chiến tranh. Bây giờ, anh cảm thấy thật chua xót khi nghĩ đến cảnh gặp mặt mẹ Êm, anh biết đôi mắt thế nào với người mẹ ấy: *“Anh ước mình sẽ chết đi, đang nằm trong nắm đất mà Nghĩa đang nằm, để cho Nghĩa sống lại. Để cho sáng hôm nay, Nghĩa cùng đại đội trở về đây”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Cái chết của Nghĩa không phải do Hiền, nhưng với tư cách là một người đồng đội, người anh em cùng nhau sống chết thì anh cảm thấy mình thật có lỗi với người đồng đội đã khuất và người mẹ đang đứng trước mặt. Anh ước gì người ngã xuống trong ngày hòa bình ấy chính là anh, để trong

giây phút thiêng liêng này người đối diện với người mẹ ấy là người đồng đội của mình chứ không phải là anh.

Không chỉ nặng tình với đồng đội của mình, Hiền còn rất xúc động khi vô tình chứng kiến câu chuyện của hai người chiến sĩ không quen biết. Chỉ là vài lời từ biệt của người đồng chí dành cho người bạn mình đã nằm xuống nhưng anh cảm thấy trong lòng thương cảm vô cùng: *“Diệt ơi, tao về đây, tao được về phép. Một tháng rưỡi tính cả ngày đi đường. Tao sẽ về nhà mày trước. Tao sẽ ở với bà cụ mày một tuần. Khi nào quay vào tao lại ghé vô với bà cụ mày một tuần nữa... Diệt ơi, tao là thằng Hữu đây. Mày hãy ở lại với rừng. Tao sẽ coi bà cụ mày như mẹ tao. Đừng ngại. Thôi, tao đi đây!”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Tình cảm giữa những người đồng đội trong kháng chiến là tình cảm vô cùng quý báu, cao cả. Là sự chở che, đùm bọc nhau trong suốt chặng đường ngũ bụi nằm sông, nên khi một người ngã xuống thì người còn lại như bị mất đi một phần cơ thể. Chỉ là người chứng kiến không quen biết, nhưng Hiền thấy thương họ vô cùng. Vì chính anh cũng đã từng tiễn người đồng đội của mình như thế. Có cùng sống với nhau trong những ngày tưởng như kiệt sức thì tình cảm mới sâu nặng đến thế. Chiến tranh vốn là chốn không nhà cửa, không người thân nhưng đầy áp tình đồng đội. Tình cảm ấy chính là nguồn sáng để những người chiến sĩ cùng vượt qua nhiều gian nan. Chiến tranh đi qua, những người ở lại luôn là người đau đớn nhất. Dù thời gian có trôi đi thì trong lòng họ vẫn in mãi một vết sẹo tinh thần chẳng bao giờ

có thể lành lại được. Nhân vật trong sáng tác của nhà văn Nguyễn Minh Châu là hiện thân cho một lớp thanh niên trẻ Việt Nam, những con người hoàn thiện với vẻ đẹp của lí trí cao cả, tinh thần xả thân, tâm hồn lãng mạn trong sáng không tì vết.

Trong tiểu thuyết *Miền cháy*, gắn liền với tình cảm che chở cho nhau là sự quyết tâm sát đá trả thù cho đồng đội. Hiền và Nghĩa cùng gắn bó qua suốt chặng đường chiến tranh, ở họ còn hơn cả tình đồng đội, mà thân thiết như anh em, tình thân ruột thịt. Nghĩa đã bị thương nghiêm trọng ngay buổi chiều đầu tiên của hòa bình. Trong giây phút bất ngờ đó, Thắng lại không thể nỡ súng bắn chết tên sát nhân, vì đứa con hằn đang cõng trên lưng. Anh không hiểu nổi mình: *“Lúc ấy tại sao Thắng lại không bắn? Tại sao Thắng không nỡ súng?... Rồi anh đay nghiến thằng bé. Anh hành hạ nó. Anh gọi nó là cái của nợ”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Thắng tức giận, rất muốn bắn chết cái tên tội phạm ấy, nhưng cũng không thể làm hại một đứa trẻ vô tội. Dù biết nó chỉ là đứa trẻ ngây thơ, không hề biết gì về tội ác của cha nó nhưng trong lòng anh vẫn mặc định nó là đứa con tội phạm. Cái ý nghĩ trả thù tên tội phạm bị anh dồn cả vào đứa con của hắn. Trả thù nhằm vào một đứa trẻ không lấy gì làm cao đẹp nhưng trạng thái tình cảm ấy hoàn toàn có thể được thông cảm bởi nhân vật quá nặng lòng với đồng đội của mình.

Anh đay nghiến nó, hành hạ nó cho vui bớt chút nỗi hận thù trong lòng mình. Về phần Hiền, anh vẫn cư xử nhẹ nhàng với đứa con của kẻ thù nhưng

máu trong người cứ sôi sục lên: *“Ngay sau lúc ấy, Hiền huy động cả một trung đội sang lục soát khắp khu cư xá và bãi xe hỏng bên cạnh nhưng vẫn không tìm thấy hai vợ chồng tên ác ôn”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Anh lục soát lại hầu hết các danh sách những tên ra hàng, vì anh tin chắc tên tội phạm vẫn đang lẩn trốn đâu đây, nhưng vẫn chưa tìm được. Anh thấy lòng vô cùng bức bối khi tưởng tượng trong cái đám hàng binh đứng ngoài sân kia: *“Có một tên đang nhìn theo anh và thằng bé từng bước chân, từng cử chỉ, ừ, giá cái tên ấy đã ra trình diện và đang ở trong đám người này thì nó đang nghĩ gì, nó đang đứng ở đâu, cái tư tưởng phục thù đang nấu ở đâu?”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Anh nôn nóng muốn tìm ra ngay cái tư tưởng phục thù đang lẩn trốn trong đám tro tàn ngoài kia với một ý chí sắt đá. Tên tội phạm biệt động bị bắt nhưng không bị xử chết mà được đưa vào trại cải tạo. Tại đây, người chỉ huy trại đã thẳng thắn chất vấn rằng: *“Trong khi những tên cố vấn Mỹ đi theo kè kè bên cạnh sở chỉ huy của các sĩ quan nguy, cùng các anh uống rượu, nhậu nhẹt, phè phờn, để sẵn sàng làm theo lời yêu cầu của các anh, gọi máy bay B.52 đến ném bom vào ô này ô khác trên các bản đồ nổi trước mặt, các anh thoáng nghi ngờ ở đâu là ở đó, bom đạn của Mỹ liên trút xuống. Trên bước đường cải tạo, các anh nên ghi vào trí nhớ cái con số 7 triệu tấn bom Mỹ đã ném xuống Việt Nam. Yểm trợ hỏa lực tối đa của Mỹ dành cho các anh đấy!”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Nhà văn Nguyễn Minh Châu rất tài tình trong việc phản ánh kịp thời những hình

ảnh sinh động của cuộc chiến đấu và hình tượng cao đẹp của những con người Việt Nam thuộc nhiều thế hệ. Đồng thời, ông cũng phát hiện và suy ngẫm về nhiều vấn đề của đời sống xã hội và số phận con người trong chiến tranh.

Bọn Mỹ đã chu cấp cho những tên phản quốc một đời sống thừa vật chất, để họ quên đi tinh thần dân tộc, để họ u mê trong vật chất và sẵn sàng sát hại đồng bào mình. Chỉ tính những lần ném bom vô cớ, tùy theo ý thích của bọn lính cũng đã gây nên không biết bao nhiêu là chết chóc, chia ly, tan nát của dân tộc ta. Người chỉ huy đã chỉ rõ ra những tội ác mà bọn phản động trong đó có tên tội phạm gây ra để quăng đời còn lại họ phải sống trong chính lỗi lầm của mình với sự ăn năn, dằn vặt. Sau khi trại cải tạo di chuyển xuống đồng bằng và dừng ngay Quảng Trị, tại đây, tên tội phạm đã nhận ra Hiền và xin gặp anh để thú nhận tội lỗi của mình. Hiền cố gắng kìm nén nhưng lời lẽ không hề nhẹ nhàng. Anh chỉ thẳng vào mặt tên biệt động rằng: *“Anh có biết trong buổi chiều sắp tới đó, cái “quả bom nguyên tử” của anh đã làm thiệt hại bao mạng người không? Anh không biết đâu! Hồi ở trong Huế đơn vị tôi đã phải đón tiếp và chỉ dẫn mả cho vợ một người lính quê trong Quảng Nam bị anh bắn chết lần đó”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Phải chăng, Hiền ám ức vì nghĩ đến Nghĩa không hy sinh trong bao nhiêu trận đánh lớn mà lại chết ngay ngày hòa bình, chỉ vì hành động nông nổi của một tên lính ngụy. Giá có thể bắn một phát súng kết thúc cuộc đời tên ấy, nhưng anh không thể làm vậy. Anh hiểu rằng chết là một hình

phạt quá dễ dàng. Để tên sát nhân sống trong quãng đời còn lại với những ân hận, hối tiếc không gì bù đắp được là một hình phạt đau đớn nhất dành cho hắn.

Như vậy, cuộc chiến nào cũng mang đầy bạo lực, chết chóc nhưng trong hiện thực tàn nhẫn ấy ta vẫn còn thấy được ánh sáng của tình đồng đội giữa những người chiến sĩ với nhau. Chính tinh thần đoàn kết, gắn bó, che chở đó đã góp phần đưa cách mạng đi tới thắng lợi toàn vẹn hôm nay.

2.1.2. Nhân vật gắn bó với cách mạng

Đất nước ta có được ánh nắng của ngày hòa bình là cả một quá trình đấu tranh gian khổ của nhân dân và những người lãnh đạo cách mạng. Điều quan trọng là trong cuộc chiến ấy, nhân dân đã hoàn toàn tin tưởng vào cách mạng, quyết tâm một lòng gắn bó với cách mạng mới có được thắng lợi ý nghĩa hôm nay. Trong tiểu thuyết *Miền cháy*, nhà văn Nguyễn Minh Châu miêu tả những nhân vật như Hiền, mẹ Êm, Hồng, Viễn, Dy, vị giáo sư già,... đều là đại diện cho những con người một lòng với cách mạng. Chỉ là một người phụ nữ bình thường, nhưng mẹ Êm có một số phận rất đặc biệt. Bà đã hy sinh bốn đời chồng cho cách mạng: *“Trước sau người đàn bà đã từng giẫm chân trên mặt đất hơn nửa thế kỷ ấy, từ năm còn là một thiếu nữ mười chín tuổi, đã trải qua bốn đời chồng. Và cho đến bây giờ, tất cả đều mất hết, đều hy sinh cho kháng chiến tất cả”* (Nguyễn Minh Châu, 1997).

Trong suốt cuộc kháng chiến trường kỳ, chính bàn tay người mẹ ấy đã bới đất nhặt cỏ, nuôi dưỡng cách mạng. Dù bị giam cầm, tra tấn hay chôn sống bà vẫn không một lời phản bội cách mạng. Thậm chí bà còn hy sinh một đứa con của mình để cứu một người cách mạng vào giữa những năm nguy khốn nhất. Người mẹ ấy một lòng tin tưởng vào cách mạng nhất định sẽ thắng lợi, nên dù có hy sinh thế nào bà cũng không ngại. Đến khi nhận xác và chôn cất người chồng của mình cũng chỉ có thể thực hiện trong âm thầm lặng lẽ: *“Bà mẹ Êm và những bà con trong làng đang làm vệ sinh hôm nay ở đây làm sao quên cái lúc gồng gánh ra đi, trong bụng đã nhăm ưóc tính trong số những đứa con đi theo bên cạnh đứa nào sẽ còn, đứa nào mất, và cả đến một đứa trẻ lên bảy, lên tám cũng được bố mẹ khoác vào vai cho một chiếc xẻng: Hễ người nào chết thì chôn ngay trên dọc đường, rồi cả nhà lại cứ thế mà đi về phía Bắc, về phía cách mạng”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Sự gắn bó với cách mạng, dù phải đánh đổi hy sinh bao nhiêu thì người ta vẫn bằng lòng. Vì đơn giản họ có một niềm tin sắt đá vào cách mạng, họ tin rằng cách mạng nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn. Cho đến khi hòa bình, bà mẹ vẫn như ngày xưa, vẫn chăm chút, quan tâm từng đồng chí cán bộ. Đối với bà thì những con người như Hiền, Cúc, Dy,... chính là đại diện cho Đảng.

Với Hiền, anh chính là đại diện cho thế hệ thanh niên tiêu biểu của thời đại, trải qua một cuộc kháng chiến trường chùng như gục ngã nhưng anh chưa bao giờ có ý nghĩ từ bỏ cách mạng. Đã có

được hòa bình nhưng anh không thể nào quên được hình ảnh của những trận đánh ác liệt ngày xưa: *“Hiền tưởng như bàn chân mình vẫn còn giẫm lên từng giọt máu vẫn còn đỏ tươi và những vết máu đã tan vào trong đất (hoặc chỉ còn tìm thấy trong sách vở và những khúc hát)”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Anh tưởng nhớ tới người đồng đội đã hy sinh trong đau đớn, rồi lại thấy cái thắng lợi hôm nay như một giấc mơ. Nhưng anh lại nhủ: *“Sao lại nói là một giấc mơ nhỉ? Họa chăng đây chính là giấc mơ của bao nhiêu thế hệ người đã chết và người còn sống đã được thực hiện, đã trở thành sự thật”* (Nguyễn Minh Châu, 1997).

Sự gắn bó với cách mạng còn thể hiện rõ nét qua vị giáo sư mà Hiền nghĩ là “người có cảm tình với cách mạng”. Với một sự gắn bó, tin tưởng tuyệt đối, ngay sau hòa bình, vị giáo sư đã có dịp thổ lộ chỉ có những người cộng sản mới đủ sức, đủ tư cách để đứng ra tổ chức lại trật tự xã hội. Ông nhận ra: *“Chủ nghĩa cộng sản là một sức mạnh của cả hai phía: Bạo lực và Nhân đạo. Vì thế mà các anh đã thắng! Từ lâu tôi vẫn tin rằng dù trước dù sau, sớm hay muộn, rồi các anh cũng thắng, toàn thắng chứ không phải thắng một nửa như năm 1954, như năm 1972”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Cha con vị giáo sư hết lòng tin cậy Hiền như tin cậy vào cách mạng của đất nước.

Tám lòng gắn bó với cách mạng còn được thể hiện qua hai vị lão cán bộ Hồng và Viễn. Cả hai người đều xuýt xoa vì sự lãnh đạo sáng suốt của những người lãnh đạo cách mạng ngày trước:

“Một nước cờ người ta đi đến cuối ván mình mới hiểu. Trí tuệ của trên là thế!... Nếu lúc đó, trên thương dân một tí, tiếc đất một tí, thì có thể lòi thoi, rắc rối đến toàn cuộc. Không có ngày nay cũng nên!” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Trong kháng chiến có khi những quyết định của cấp trên sẽ khiến những cán bộ phía dưới không đồng tình, không thể hiểu được. Nhưng đến hòa bình, khi nhìn nhận lại những quyết định ngày ấy mới thấy rõ được sự sáng suốt, thấu đáo của cấp trên. Nếu đã chọn tin tưởng vào cách mạng thì phải gắn bó đến cùng và sự gắn bó của nhân dân với cách mạng đã đem lại một thắng lợi không ngờ.

Trong chiến tranh, nhân dân hết lòng với cách mạng vậy, thì sau chiến tranh những người cán bộ tự hỏi cần phải làm gì để nhân dân tiếp tục đặt niềm tin cùng gắn bó. Cán bộ Viễn nêu ra vấn đề với Cúc như một lời tâm sự: *“Từ những người hoạt động bí mật bây giờ trở thành những người bước ra nắm chính quyền. Nhưng nếu không khéo, nếu chúng ta không còn sáng suốt và tinh táo để làm chủ mình, chúng ta rất có thể trở thành những con người mất phẩm chất cách mạng, những cán bộ bị của nả vừa thu được và quyền lực vừa đoạt được làm cho hủ hóa đi”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Là những người cán bộ từng cùng sống chết hết lòng với nhân dân trong chiến đấu, những lúc trong tay không có gì ngoài tình đồng đội quý báu, thì đến ngày nắm được chính quyền trong tay cũng phải đủ sáng suốt để tránh mình trước sự hào nhoáng của vật chất tầm thường. Người cán bộ luôn phải tinh táo để giữ vững phẩm chất

cách mạng của mình và lòng trung với nhân dân. Nhân vật Dy, người đã từng bị địch bắt rồi sau đó lại bị mọi người nghi ngờ là chỉ điểm cho địch. Trước mọi sự dồn ép đó, ông vẫn không một tiếng oán than: *“Sau một năm Dy được trả sinh hoạt Đảng. Giữa lúc trong xã đang thiếu cán bộ, ủy ban giao cho Dy làm trưởng thôn Trung. Dy nhận công việc ấy một cách vui vẻ. Dy biết là tổ chức vẫn còn tin mình, căn cứ vào cả cuộc đời hoạt động cách mạng để đặt lòng tin, thế là đủ!”* (Nguyễn Minh Châu, 1977). Là một cán bộ hết lòng trung thành, ông đã dùng cả đời mình để phục vụ cho cách mạng, cho dân và cho Đảng: *“Với một động cơ cách mạng rất trong sáng, trước Cúc hoặc Bàng, lớp cán bộ trẻ đã thay thế mình, Dy bao giờ cũng sẵn sàng vui vẻ chấp hành các ý kiến của họ”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Các nhân vật được Nhà văn Nguyễn Minh Châu miêu tả với vẻ hào hùng và dũng cảm, sẵn sàng hi sinh cho nhiệm vụ cách mạng. Đây chính là ngọn nguồn của sự tìm tòi, lòng tin, niềm lạc quan về vẻ đẹp con người, làm nên một cảm hứng lãng mạn bay bổng của nhà văn khi khắc họa hình ảnh của con người trong chiến tranh.

Như vậy, mỗi con người trong tác phẩm đều có những cuộc đời riêng, cách sống riêng. Nhưng điểm chung ở họ chính là một tấm lòng tin tưởng tuyệt đối với lý tưởng cách mạng, sự gắn bó thiết tha không giây phút nào từ bỏ để đi đến ngày chiến thắng.

2.2. Tình cảm tốt đẹp của nhân vật sau chiến tranh

2.2.1. Lòng bao dung với kẻ thù

Trải qua cuộc đấu tranh gian khổ giành độc lập, Việt Nam được thế giới ghi nhận là một dân tộc đoàn kết. Không chỉ ở tinh thần đoàn kết mà lịch sử Việt Nam còn sáng ngời bởi truyền thống khoan dung, nhân đạo với kẻ thù của mình. Điều đó, chúng ta từng thấy trong các cuộc chiến chống các tập đoàn phong kiến xâm lược phương Bắc, chiến tranh chống thực dân Pháp và càng thấy rõ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ trường kỳ. Trong giờ phút chấm dứt chiến tranh, đồng đội của Hiền đã bị bắn lén và hy sinh, không bắt được tên tội phạm ấy nhưng lại “nhặt” về được thằng con nhỏ bị hấn làm “rớt lại”. Là con của tên tội phạm phản động đáng lẽ Hiền có thể xử bắn hay làm bất kỳ điều gì với nó, nhưng anh đã không làm vậy: “*Với tất cả sự chăm chút bình thường đối với một đứa trẻ, Hiền theo dõi từng cử chỉ và ý nghĩ của thằng bé. Anh thấy thật khó làm thế nào để nó hết sợ được*” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Dù trong lòng đang rất căm giận cha nó nhưng anh cũng không vì vậy mà hành hạ, mạt sát nó. Anh dứt khoát không muốn để nó lại trong đơn vị mình như một vết tích: “*Hiền nhìn theo từng bước chân của thằng bé, anh chợt cảm thấy bức rứt và hồi hộp. Y như cái cuộc sống cũ vừa “đo ván” cùng những tên lính nguy vừa hạ súng đang nhòm dậy đưa tay níu kéo thằng bé lại*” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Có một cảm giác mơ hồ khó tả dâng lên trong lòng Hiền. Anh quyết định bước qua cái ranh giới vô hình

trong lòng mình và tiếp nhận đứa trẻ. Trong anh bây giờ có sự phân định rạch ròi giữa đứa con và người cha tội lỗi của nó, tuy vẫn còn một cái gì đó gượng gạo.

Người chiến sĩ không thể lẩn tránh lòng mình, lẩn tránh chính sự bao dung, lương thiện của mình. Anh muốn nói rằng: “*Rồi trong tương lai, chúng ta quyết sẽ không để cho một thứ tư tưởng phục thù nào của bọn phản động đã bị đánh bại có quyền tồn tại hoặc sống lại, hoặc giấu mặt để chờ cơ hội hoạt động quấy phá cách mạng. Và chúng ta cũng không bắt thằng bé lên bốn này phải gánh chịu việc làm của cha nó, dù chỉ trong ý nghĩ và cái nhìn*” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Vừa chăm sóc đứa trẻ, Hiền vừa muốn dạy dỗ, uốn nắn nó thành một đứa trẻ tốt, dù anh không biết trước đây, cha mẹ nó đã gieo vào đầu nó những thứ gì: “*Vốn là con người duy lý nên anh thường hoài nghi những quyết định hoàn toàn do tình cảm chi phối như thế. Nhưng sau khi phân tích một mình, lý trí của anh lại trả lời quyết định ấy là đúng đắn, mình quyết định giữ thằng bé lại là đúng. Nó không phải chỉ tốt cho thằng bé, mà còn tốt cho anh và cả anh em trong đơn vị, và nói chung cho cả cuộc sống*” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Anh từng nghi ngờ nhưng cuối cùng anh vẫn tin quyết định giữ thằng bé lại là đúng. Đó là điều tốt cho tất cả mọi người và sau này mọi việc sẽ rõ. Về mặt điềm tĩnh, dịu dàng đã thể hiện sự trưởng thành và bản lĩnh nơi Hiền. Nguyễn Minh Châu đã rất tài tình trong việc khắc họa chi tiết tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật, điều góp phần tạo nên sự khác biệt và sức sống riêng của từng nhân vật.

Đối với kẻ thù hay là đứa con tội lỗi của hắn đều khó mà khiến mọi người chấp nhận một cách dễ dàng: *“Nhu đối với những đứa trẻ bị chiến tranh giạt ra khỏi bàn tay của cha mẹ, để có đủ lòng độ lượng nuôi nấng và dạy dỗ nó trở nên người tốt”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Anh hiểu để chấp nhận và đối xử với một đứa con tội lỗi như những đứa trẻ bình thường khác là điều rất khó khăn với mọi người. Nhưng anh có niềm tin là sẽ có lúc suy nghĩ ấy thành sự thật dù hiện tại còn rất mơ hồ: *“Cuộc đấu tranh để hình thành những quan niệm, những tư tưởng mới bao giờ cũng khó nhọc và lâu dài. Cũng khó nhọc và lâu dài không kém cuộc tự đấu tranh để chuyển hóa những quan niệm và tư tưởng mới thành một thứ tình cảm mới thích ứng với nó”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Phải chăng, chỉ cần vượt qua được cái rào cản của sự nhận thức về mối quan hệ nhập nhằng ấy thì tất cả sẽ trở nên tốt hơn. Không chỉ anh mà ngay cả Trạch, Thắng và những đồng đội khác cũng từng ngày trở nên yêu thương, thân thiết với đứa trẻ ấy hơn. Điều này chứng tỏ sự suy trước tính sau của Hiền hoàn toàn đúng đắn. Giữ thăng bẻ là việc tốt cho tất cả mọi người.

Thắng yêu thương thăng bẻ đến nỗi khi chuẩn bị rời khỏi đại đội K1 để nhận công tác mới, anh còn dẫn nó về thăm nhà và khao nó một chầu cho thật đàng hoàng nữa. Dù tội của tên tội phạm là rất đáng chết nhưng cách mạng vẫn tha chết, vẫn cho hắn một cơ hội để nhận ra sai lầm và làm lại cuộc đời mình. Trên bước đường cải tạo, chứng kiến những tàn cảnh chiến tranh mà hắn góp phần không nhỏ vào đó, bây giờ, tên tội phạm

mới băn khoăn là: *“Tại sao “Việt cộng” đã không xử y tội chết? Sau một loạt hành động tội lỗi gây ra do thù nghịch tư tưởng, mà việc làm nghiêm trọng nhất là vụ bắn lén và sau đó đã từng chạy trốn rồi lại bị bắt, nếu vào tay hắn hoặc bọn hắn, thủ phạm nhất định không được đối xử như “Việt cộng” đã đối xử với hắn như hiện nay.”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Càng nhận thức được tâm lòng bao dung của cách mạng đối với kẻ thù, hắn càng thấy tội lỗi và xấu hổ. Hành động trước kia của hắn thật là đáng khinh bỉ, đáng chết. Hắn đã dấn thân vào con đường tội lỗi hàng chục năm trời để rồi cách mạng vẫn thắng lợi, mà còn là thắng lợi triệt để. Hắn thầm cảm ơn tên chủ quán ngày trước và Hiền đã cho hắn cơ hội thay đổi cuộc đời mình.

Trong một cuộc đối mặt thú nhận sau chiến tranh, Hiền đã thẳng thắn chỉ ra sự sai lầm và ngu muội của tên tội phạm. Anh không ngần ngại chỉ ra những thủ đoạn mà Mỹ đã thực hiện để mua chuộc được khối người bán nước: *“Bọn Mỹ đã đem đến cho anh và lũ các anh một đời sống thừa mứa vật chất, đặt vào tay một khẩu súng, và trang bị cho các anh một quan niệm nhìn người của chó sói, còn hơn chó sói...”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Bằng cái giọng sang sảng, Hiền trút tất cả niềm căm phẫn của mình vào mặt tên tội phạm để chỉ rõ cho hắn biết những tên như hắn đã từng lầm lạc, ngu muội như thế nào trong chiến tranh. Anh nói cho tên tội phạm biết rõ rằng hắn được sống, được cải tạo tư tưởng như bây giờ là nhờ đâu, do đâu mà có được: *“Đáng lý anh chết rồi, cả thằng Sinh*

nữa, nhưng trong buổi hoàng hôn trên dọc cái hành lang, chính thằng Sinh vô tình đã cứu anh khỏi một loạt đạn tiểu liên...” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Hồ đen khoảng cách giữa dân tộc Việt Nam mà những người như tên tội phạm đã từng cố ý tạo ra khiến những người cán bộ khó lòng hàn gắn vết thương trong phút chốc. Cả vết thương trên mặt đất và trong lòng người đều khó lành lặn. Trong khoảnh khắc người chỉ huy trại thốt ra câu nói: “Chúng tôi không muốn anh phải chịu những điều mà chúng tôi đã chịu đựng hàng chục năm nay” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Chỉ một lời đó cũng đủ để làm sáng tỏ cả tấm lòng khoan dung của con người Việt Nam với kẻ thù phản quốc.

Khi biết được thằng Sinh là đứa con của kẻ thù đã giết chết con trai mình, mẹ Êm gần như phát điên lên. Bà rất thương thằng bé, nhưng giờ đây bà không biết nên đối diện với nó như nào mới phải. Vừa nhìn thấy nó chạy tới: “Thì bà mẹ đã vội vã bước giật lùi lại, không cho nó sờ mó vào người mình. Trong bóng hoàng hôn nhập nhoạng sắp tối hẳn; một đôi mắt lạ lùng và giá lạnh chòng chọc nhìn thẳng vào nó” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Lúc thằng bé khóc òa lên, vì bà mẹ túm tóc nó giật lên để nhìn kỹ cái mặt nó thì bà mẹ chột tỉnh người ra. Bà không biết mình đang làm gì nữa: “Bà đứng yên một hồi lâu, rồi tuân theo bản tính thường ngày, sau một chút ngập ngừng, bà cúi xuống ôm lấy cái đứa trẻ, niềm yêu thương và nỗi căm ghét của chính mình, bà ép vào ngực – “Nín đi, nín đi”. Bà dỗ dành an ủi nó” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Vốn dĩ bà

mẹ ấy rất muốn căm giận, muốn trút hết hận thù cha thằng bé vào người nó nhưng bà không làm được. Tấm lòng yêu thương của người mẹ, hơn nữa còn là người mẹ từng nuôi dưỡng bao nhiêu cán bộ cách mạng, bà không nỡ làm đứa trẻ ấy tổn thương chỉ vì tội lỗi của cha nó: “Mỗi lần nhìn nó, bà mẹ Êm như thấy nó có hai cái mặt khác nhau: cái ác và cái thiện. Chính nó và không phải chính nó – cái đứa đã giết con mình – mà chỉ là một đứa trẻ đáng thương đang cần được săn sóc, áp ủ” (Nguyễn Minh Châu, 1997).

Tuy rất giận nhưng bà mẹ cũng rất lo cho thằng bé, khi Hiền đề nghị đem thằng bé cho người khác nuôi bà đã đồng ý nhưng rồi lại từ chối. Chỉ vì bà sợ không ai chăm sóc nó tử tế, sợ nó đi chơi lang thang rồi lỡ giẫm phải mìn thì biết làm thế nào. Rồi có những lúc ôm nó ngủ mẹ Êm lại nhớ tới Nghĩa, bà vội vàng đẩy nó ra nhưng rồi lại ôm nó vào lòng như để lấp đầy một khoảng trống vắng, tro troi trong lòng bà: “Thế đấy, bà mẹ vừa căm ghét vừa yêu thương nó, vừa xa lánh, xua đuổi, lại vừa chìa tay đón nhận lấy nó một lần nữa. Thằng bé ngây thơ nào có biết nó đang vừa hành hạ cái bà già nhà quê, lại vừa sắp sửa đón nhận lấy một mối yêu thương khác” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Sau bao ngày sống trong giằng xé, tự đấu tranh với chính mình bà mẹ cũng làm rõ được một điều rằng: “Tội của cha hẳn thì cha hẳn chịu!... Hẳn chỉ là một đứa con nít. Hẳn đã biết chi?” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Nguyễn Minh Châu đã rất xuất sắc khi khai thác cuộc đấu tranh tâm lý vừa gay go, vừa đong đầy cảm xúc của

mẹ Êm. Có thể nói, trải qua cuộc chiến tranh vệ quốc, mẹ Êm là nhân vật gánh chịu nhiều mất mát nhất.

Dù trong lòng căm giận đến nỗi muốn bắn chết tên sát nhân ác ôn, nhưng đến lúc chạm mặt thật sự khi tên tội phạm quỳ sụp dưới chân bà thì: *“Người ta chỉ thấy trên khuôn mặt nhăn nheo khắc khổ của bà mẹ lúc ấy những nếp nhăn chằng chịt từ đầu xô đến như những lớp sóng, và một nỗi đau đớn không sao kể xiết từ những nếp nhăn từ từ hiện lên”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Những vết nhăn in hằn trên mặt là sự hiện diện cho bấy nhiêu nỗi đau mà bà mẹ phải gánh chịu trong suốt những năm tháng chiến tranh vừa qua. Nỗi đau ngày mất con hiện về trong giây phút vừa trông thấy tên sát nhân tưởng chừng khiến bà mẹ gục ngã trong phút chốc. Bà mẹ ấy chẳng thể cất nổi một lời cho đến khi thằng Sinh níu lấy bà. Khi bình tĩnh nhận rõ được khuôn mặt của tên tội phạm, bà chỉ có thể nói với thằng Sinh: *“Con đến với ba đi!... Rồi bằng bàn tay run rẩy, bà mẹ cầm lấy bàn tay to lớn của tên sĩ quan, đưa mắt nhìn thoáng qua, rồi đặt vào đó cái bàn tay trẻ con thật mềm mại, ấm nóng quen thuộc. “Cầm lấy!” – Bà mẹ nói với hắn”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Dù rất căm giận, uất ức vì cái chết oan uổng của người con trai, nhưng bất kể là đối với kẻ thù hay đứa con của hắn, bà cũng không thể dối lòng mình được. Người mẹ vẫn không thể, không nhẫn tâm hành hạ một con người từng lầm đường đã biết lỗi. Cái nắm tay của mẹ Êm đã xóa bỏ khoảng cách giữa quá khứ và hiện tại, làm thay đổi cách nhìn tách biệt tuyệt đối về cách mạng và phía

thù địch. Chính người mẹ ấy cũng là đại diện cho tấm lòng bao dung và nhân hậu của con người Việt Nam. Tác phẩm còn hướng chúng ta đến một chung nhiệm vụ trước mắt là để xây dựng đất nước, không gì bằng cải tạo con người và cải tạo xã hội ngày một tốt hơn.

Như vậy, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào thì con người Việt Nam vẫn luôn đề cao tấm lòng khoan dung nhận đạo. Lấy nhân nghĩa thắng bạo tàn, truyền thống đó đã được thể hiện rõ rệt qua lịch sử dân tộc, nhất là qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ và được giữ gìn, phát huy cho đến ngày nay.

2.2.2. Tình cảm gắn bó giữa người với người

Trong tiểu thuyết *Miền cháy*, những con người từng gắn bó trong chiến tranh bao nhiêu thì khi hòa bình, họ vẫn luôn đoàn kết, bảo bọc nhau bấy nhiêu. Họ vẫn một lòng quý trọng và hết lòng giúp đỡ, chăm lo cho nhau, khiến người đọc không khỏi xúc động. Cúc, mẹ Êm và gia đình mẹ Khởi là những người độc thân sau chiến tranh, họ cùng nhau sống trong ngôi nhà xây của mẹ Khởi. Tuy Nghĩa là người chồng tương lai của Cúc đã hy sinh nhưng cô vẫn hết lòng chăm nom, săn sóc bà mẹ còn hơn cả lúc trước. Khi nghe tin đứa cháu thứ tư của ông Bộ Nghiệt chết vì dẫm phải mìn, cô đã không cầm được nước mắt: *“Tội nghiệp, ngày xưa khi nó chưa chạy vào trong kia, nó vẫn thường hay chạy theo nắm lấy vạt áo sau của tôi, gọi “O Lúc, O Lúc” mà!”* (Nguyễn Minh Châu, 1997).

Không chỉ có tấm lòng của Cúc dành cho mẹ Êm, mà đối với bà mẹ, cô như đã trở thành một người thân từ lâu. Khi Cúc và đứa em trai Linh dọn ra ở riêng ngoài rìa xóm Đông để thuận lợi cho công tác phá gỡ bom mìn, mẹ Êm vẫn không ngại cực mà cứ vài ba ngày lại đến thăm nom, lo lắng cho cô thường xuyên: “*Những lần bà tới, Cúc thường không có nhà. Bà mẹ ngồi một mình trên chiếc giường cá nhân của Cúc, giờ ba lô của cô ra xếp lại từng chiếc áo, chiếc quần, từng thứ đồ đạc vật vãnh, rồi lúi húi quét tước, dọn dẹp khắp trong nhà, ngoài sân thật sạch sẽ*” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Bà mẹ chăm lo cho Cúc từ những điều nhỏ nhặt nhất, nhưng chỉ qua vài sự chăm chút đó cũng đủ thấy được tình thương của bà mẹ dành cho cô sâu sắc đến thế nào. Sau này, khi biết út Âu sắp đi thoát ly học lái máy cày, Hiền và Cúc lại lo ngại hơn cho mẹ Êm. Cuối cùng, cô quyết định trở lại sống cùng bà mẹ, mặc dù con đường làm việc có xa đôi chút nhưng như vậy cô sẽ yên tâm hơn.

Sự quan tâm, chăm sóc mà Cúc và bà mẹ dành cho nhau rất giản dị nhưng trong đó lại chứa đựng cả một tình thương vô bờ bến. Khi biết đại đội K1 sắp về đến xã, mặc mưa gió bà mẹ vẫn: “*Đội tám vải nhựa chạy đến từng nhà trong xóm vận động bà con thổi cơm sẵn cho bộ đội*” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Tấm lòng của người mẹ ấy lúc nào cũng sâu sắc như vậy. Trong chiến tranh mẹ Êm đã nhận một đứa trẻ bị lạc làm cháu nuôi và nuôi dưỡng nó. Bà nhận nuôi nó khi nó chỉ là một đứa con non nớt, xa lạ, nhưng ai biết rằng qua bao nhiêu năm

tình cảm mà bà dành cho nó lại sâu đậm như chính những người thân trong gia đình. Bà hết lòng che chở, dạy dỗ, thương yêu nó như chính cháu ruột của mình. Nhìn nó được trở về với mẹ ruột, bà rất vui nhưng cũng rất đau lòng: “*Chung quanh bà ấy giờ cánh đồng như rộng hẳn ra, cái cảm giác trống trải, chông chênh, sau lúc bóng dáng con Tỏ vừa khuất lại càng rõ rệt hơn, nhứt nhối hơn, trở thành một nỗi cô đơn không sao kể xiết như một khoảng không mênh mông hoang vắng như sa mạc và mỗi lúc một lớn lên mãi, ở ngay trong lòng bà*” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Phải chăng, nhà văn Nguyễn Minh Châu rất đồng cảm trước những số phận và hoàn cảnh éo le của nhân vật sau chiến tranh. gương mặt những người anh hùng hiện lên đầy khắc khổ, dấn vật, đau đớn và hoài niệm về quá khứ.

Không chỉ có một mình mẹ Êm không nở mà con Tỏ cũng chẳng muốn theo mẹ nó trở về, nó chỉ muốn sống với bà mẹ dù nó biết rằng không thể. Nó cầm lấy tay đứa cháu lên ba của mẹ Khởi dặn dò đủ điều, mặt mày nhợt nhạt cả ra vì xúc động. Nó cũng thương mẹ Êm bằng cái tình thương mà bà mẹ dành cho nó. Cái tình cảm gắn bó giữa hai con người xa lạ trong chiến tranh thật khó diễn tả bằng lời. Sau con Tỏ là thằng Sinh, mẹ Êm dành hết tình thương cho nó như để bù đắp chính cái khoảng trống đang hiện diện ngay trong lòng bà. Cũng từng là những người xa lạ gắn bó với nhau sau chiến tranh, vậy mà giờ đây, mẹ Khởi, mẹ Êm đã xem nhau như những người thân trong gia đình: “*Cái buổi sáng gia đình bà mẹ Êm dọn về ngôi nhà anh em*

bộ đội K1 mới làm cho dưới xóm Trung, mẹ Khởi hết đi ra lại đi vào, bụng dạ mẹ cứ nôn nao lên... Từ nay không có bà mẹ Êm bên cạnh, mẹ Khởi biết trước sẽ buồn lắm” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Ngược lại, mẹ Êm cũng không khỏi lo lắng cho mẹ Khởi: *“Trước khi dọn đi, bà mẹ Êm đã dặn mấy cậu chiến sĩ cấp dưỡng K1 đang ở trong nhà, thỉnh thoảng nói chuyện với mẹ, để cho mẹ và những đứa trẻ đỡ buồn”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Trong quá trình phá gỡ bom mìn, cải tạo đất đai vô tình đã tạo nên giữa những con người nơi đây một sự gắn bó thân thiết với nhau. Họ cùng nhau làm việc suốt ngày đêm: *“Ngay kê chỗ Cúc vừa nằm, một cái hố bom vừa mới được lấp xong. Chung quanh Cúc, kê vừa ngồi dậy, người đang nằm, toàn đàn bà, người ngủ gà ngủ gật, có người vẫn còn nằm kéo gổ âm âm”* (Nguyễn Minh Châu, 1997).

Trong quá trình lao động cực khổ sự gắn bó một lòng giữa cán bộ và nhân dân nơi đây khiến mọi người tràn đầy lòng tin và càng tin tưởng vào một tương lai tốt đẹp của quê hương đất nước. Thức suốt đêm làm việc cùng mọi người, Cúc cũng có những suy nghĩ mông lung. Cô cảm thấy giữa mình với mảnh đất này và những con người đang ngồi ở chung quanh đây có một sự gắn bó nào đó vô cùng thiêng liêng. Cô cũng cảm nhận được rằng chỉ cần vượt qua thêm chặng đường này nữa thì tương lai phía trước của đất nước sẽ hoàn toàn tươi sáng. Sự gắn bó giữa người với người còn thể hiện ở thái độ của mọi người khi Bàng gây ra lỗi lầm. Bàng muốn ra đi vì không còn mặt mũi nào ở

lại để người ta chê cười. Những tưởng mọi người sẽ xa lánh, ghét bỏ mình nhưng điều đó không hề xảy ra. Những lời khuyên của Dỵ, Cúc,... làm cho anh thấy xúc động và xấu hổ. Dỵ khuyên nhủ rằng anh không nên đi đâu cả trong cái hoàn cảnh này: *“Ở đây còn bà con, còn đồng chí cũ với nhau. Phải chịu rất vất vả mà nhìn mặt mọi người. Bà con, đồng chí ở đây đều tốt cả. Nên tốt mới khó chứ nên xấu, rồi xấu hơn, như cái trở bàn tay. Cậu có bỏ cái làng này thì bỏ nhưng nó không bỏ cậu. Suốt bao nhiêu năm kháng chiến cực khổ, cậu còn chịu được cơ mà!”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Dù Bàng có phạm lỗi làm gì nhưng đối với mọi người nơi đây, đã gắn bó với nhau qua biết bao năm chiến tranh còn được thì bây giờ lẽ nào lại, vì một lần sai phạm mà từ bỏ nhau. Chỉ cần mọi người gắn bó một lòng với nhau thì mọi sai lầm đều có thể sửa chữa.

Như vậy, trên chặng đường chiến đấu trường kỳ suốt mấy mươi năm cùng nhau thì dù là giữa những người xa lạ nhất cũng có một sự gắn bó thiêng liêng với nhau. Sợi dây vô hình liên kết mà không gì có thể cắt đứt được. Cùng nhau đi qua biết bao đọa đày, chết chóc nên sau chiến tranh con người càng thêm quý trọng nhau hơn. Dù là những người đi làm đường như Bàng đến khi nhận được sự tha thứ, quan tâm của mọi người cũng đã biết ăn năn và làm lại cuộc đời. Sự đoàn kết gắn bó giữa con người với nhau chính là sức mạnh lớn nhất giúp dân tộc ta đi tới thắng lợi vẻ vang sau cuộc chiến.

2.2.3. Tình cảm gắn bó với mảnh đất chiến tranh

Trên con đường chiến đấu, có thể nhiều người chấp nhận từ bỏ quê hương vì chiến tranh quá ác liệt, vì không thể cầm cự nổi. Nhưng đối với mảnh đất Quảng Trị và con người nơi đây họ chưa bao giờ từ bỏ, dù sống chết hay gian khổ cách mấy thì họ vẫn quyết tâm bám trụ hoặc đến ngày hòa bình thì tìm mọi cách trở về quê hương. Hiền nhớ lại những trận đánh Mỹ đầu tiên mà ngỡ như: *“Bàn chân mình đang giẫm lên từng giọt máu vẫn còn đỏ tươi và những vết máu đã tan vào trong đất (hoặc chỉ còn tìm thấy trong sách vở và những khúc hát)”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Những năm kháng chiến vừa qua với anh như một cơn ác mộng, tuy đã được hòa bình nhưng anh chưa bao giờ quên được những ngày tháng đấu tranh ác liệt ấy: *“Theo Hiền thường nghĩ, chỉ nguyên một miền đất Quảng Trị đủ chứa đựng tất cả mọi vấn đề lớn nhất của lịch sử Việt Nam trong ba chục năm qua... Đó cũng là một miền đất hết sức cần cỗi và cũng nghèo nhất, cuộc đấu tranh với thiên nhiên và với kẻ thù ngoại xâm đều vô cùng gay go ác liệt”* (Nguyễn Minh Châu, 1997).

Sau chiến tranh, bất kể là người lang thang nơi đâu trong chiến tranh đều lần lượt dạt dứu nhau trở về cái mảnh đất Quảng Trị của mình. Họ ngẫm nghĩ, nhẩm tính lại cái cuộc đời chiến tranh đã qua trước khi về với cuộc sống bình yên nơi quê hương. Hàng chục năm trải qua biết bao đau khổ, ròn rã, tù đày,... mà những người dân, những người cộng sản nơi đây vẫn chưa hề một lần nghĩ đến

việc từ bỏ nơi sinh thành của mình. Sau khi Quảng Trị đã quét sạch địch, cả nhà ông lão Nghiệt dẫu khó khăn cũng nhất định kéo nhau trở về: *“Trong khung cảnh nước nhà hòa bình và độc lập, ông cháu, cha con sum vầy và làm ăn dưới một mái nhà dựng trên cái nền đất nhà mình, do đời cha ông kiến tạo và để lại”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Đó chính là cái nguyện vọng lớn lao, cái điều hạnh phúc nhất đối với ông lão. Còn đối với mẹ Êm, người mẹ đã từng sống chết qua bao nhiêu năm vẫn gắn bó với mảnh đất quê hương: *“Chợt thấy còn cào trong ruột nỗi nhớ cái xóm cũ của mình, cái vườn cũ nhà mình đang nằm tận đáy sâu của cái hang thăm thẳm trước mặt kia. – “Trở về!” Trong đời bà đã có biết bao lần từ đó ra đi rồi lại trở về. Rồi lại từ đó ra đi. Cho nên mọi điều suy nghĩ của bà đều mang quán tính ngược trở về quá khứ”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Qua *Miền cháy*, Nguyễn Minh Châu nhìn nhận con người ở góc độ đời tư, từ những bình diện khác nhau trong cuộc sống đời thường của họ, để từ đó bộc lộ ra những mối quan hệ phức tạp, sự đa diện của con người. Tác phẩm còn thể hiện những quan niệm, cách nhìn của nhà văn qua lời nói đầy tính triết lý của nhân vật.

Suốt bao năm gắn bó với mảnh đất Triệu Phú, hôm nay Hiền được trở về đại đội K1 tưởng như được về lại chính quê hương của mình, bên cạnh sự vui mừng, thân thuộc ấy là cả một nỗi lo cho mảnh đất quê nhà: *“Đặt con mắt vào đâu cũng thấy nhức nhối vì đồng ruộng hoang hóa, đặt bàn chân lên đâu cũng dậm lên cỏ lau ngập đầu người, lên hồ bom, lên*

dây thép gai, lên bom mìn chưa nổ. Đất đai vừa được giải phóng mở ra bao la, bát ngát, nhưng nhìn mà xót ruột” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Từ nỗi lo lắng cho hiện thực đó khiến họ phải bắt tay vào công việc khôi phục đất đai ngay, không thể chờ thêm một giây phút nào nữa. Bây giờ trở lại mảnh đất quá đỗi quen thuộc, Hiền không còn mang dáng dấp của một học sinh Hà Nội nữa mà thay vào đó là hình ảnh: *“Một chính trị viên của một đại đội bộ đội địa phương đã nổi tiếng đánh giỏi, sản xuất giỏi, một con người đã quen thuộc từng tấc đất của vùng sỏi đá Quảng Trị ở ngoài này”* (Nguyễn Minh Châu, 1997).

Dù chỉ mới hình dung nhưng Hiền đã thấy được những khó khăn không hề dễ vượt qua của công cuộc tháo gỡ bom mìn, cải tạo đất đai. Đó là một nhiệm vụ hết sức nguy hiểm nhưng anh hiểu rằng: *“Các đồng chí bộ đội đang biến thành hiện thực một điều mong mỏi lớn nhất hiện nay của Đảng là đem lại cho nhân dân các vùng mới giải phóng niềm tin tưởng vững chắc vào chế độ mới... Chúng ta hoàn toàn có đủ khả năng biến cái thứ đất độc dữ này trở thành đất lành, có thể cấy gặt, làm nhà cửa, sinh đẻ con cái và mãi mãi sống yên ổn”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Nếu đã chọn gắn bó với mảnh đất quê hương thì dù bao nguy hiểm, bệnh tật mọi người dân vẫn cố vất ra hết sức để thoát khỏi những cánh bom mìn, dây thép gai đầy rẫy trên những cánh đồng. Họ hiểu rằng chỉ có thế thì mọi người mới được sống trong bình an và hạnh phúc. Cứ từng ngày trôi qua, nhờ sự cố gắng của tất cả mọi người: *“Và cái màu xanh của từng*

gốc mạ cứ lan dần ra. Biết bao mồ hôi công sức đã đổ như tưới xuống” (Nguyễn Minh Châu, 1997). Một cuộc sống mới đang dần mở ra trước bao ánh mắt tràn đầy hy vọng của con người nơi đây: *“Một không khí hồi sinh đầy sinh lực đang dấy lên giữa cái thôn Trung dài dằng dặc vừa được anh em bộ đội K1 gỡ mìn xong. Đất đỏ đều đang nhộn nhịp lên. Đất đang gọi con người trở về với chính mình.”* (Nguyễn Minh Châu, 1997).

Từ một miền đất cháy, miền đất chết nhờ sự kiên trì gắn bó của con người mà Quảng Trị hôm nay đã khởi đầu cuộc sống mới đầy tốt đẹp: *“Đêm đêm đã nghe tiếng chày giã gạo, tiếng trẻ con khóc, và một ánh đèn dầu lọt ra ngoài... Rồi trong từng khu vườn mọc lên những lá cờ. Cờ đỏ sao vàng, lá nào cũng còn mới nguyên nếp, cắm la liệt. Khắp từ đầu đến cuối thôn, những đám khói đốt những thứ rác rến bay mù mịt”* (Nguyễn Minh Châu, 1997). Tất cả những sự ồn ã đó thật âm áp làm sao. Nhìn những hình ảnh đầy sức sống trải ra trước mắt, những gốc mạ mới xanh ngoài đồng, cái sân chứa đầy lúa vàng rực rỡ mà ông lão Nghiệt tưởng còn đang mơ. Vì những hình ảnh ấy trước đây chỉ xuất hiện trong mơ của lão. Ông lão biết rằng thời kỳ mới của đất nước đã chính thức bắt đầu: *“Cái cơ ngơi này rồi sẽ lớn gấp ngàn triệu lần cái cơ ngơi riêng của gia đình ông lão, và cũng hoàn toàn khác với cái cơ ngơi riêng của gia đình ông lão... Nghĩ thế rồi ông lão cao hứng cất tiếng cười ha hả. Đáng lý lúc này phải cất tiếng hát, nhưng ông lão không biết hát...”* (Nguyễn Minh Châu, 1997).

Như vậy, dù trải qua bao nhiêu cuộc chiến thì điều con người mong muốn nhất vẫn là một cuộc sống bình an, yên ổn trên chính mảnh đất quê hương của mình. Nhất là khi miền đất ấy đã trải qua những đau thương như chính con người từng chịu đựng. Mảnh đất Quảng Trị đầy bom đạn, dây thép gai đã tạo thêm động lực cho những con người nơi đây. Họ luôn cố gắng nhiều hơn để chữa lành vết thương chiến tranh cho miền đất cháy và trong chính tâm hồn mình để mai đây nhìn lại họ sẽ vô cùng tự hào khi được sinh ra trên chính mảnh đất anh hùng này.

3. KẾT LUẬN

Với tiêu thuyết *Miền cháy*, nhà văn Nguyễn Minh Châu đã miêu tả rất sinh động, sâu sắc về hiện thực cuộc sống trong chiến tranh và đất nước thời hậu chiến thông qua những hình tượng nhân vật giàu tình cảm và đạo đức cách mạng. Dù trong chiến đấu gian khổ hay cuộc sống kiên thiết đất nước đầy thử thách, những con người ấy đều thể hiện được phẩm chất tốt đẹp, nghị lực vươn lên cùng tinh thần tương thân tương ái. Họ sống và chiến đấu một lòng vì cách mạng và gắn bó, nghĩa tình với đồng đội cả với người cùng sát cánh khi chiến đấu lẫn những người đã nằm lại chiến trường. Họ có thể phải đối diện với chính mình để thanh toán với những tình cảm tiêu cực, thấp sáng những góc khuất trong tâm hồn mình, thậm chí phải đấu

tranh để gìn giữ phẩm giá trong những hoàn cảnh éo le hay trước những cám dỗ nhưng cuối cùng, họ vẫn gìn giữ được phẩm chất cách mạng trong sáng. Họ không chỉ kiến thiết quê hương mà còn góp phần cải tạo con người khi biết tha thứ, bao dung, trao cho những con người lầm lỡ cơ hội làm lại cuộc đời. Tác phẩm đã thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc và hướng đến một tinh thần dân tộc cao đẹp. Tiêu thuyết *Miền cháy*, do đó, đã không chỉ đánh dấu sự thành công trên con đường sáng tác của Nguyễn Minh Châu mà còn góp phần khẳng định bước tiến quan trọng của nền văn học Việt Nam thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Lưu Oanh, Phạm Đăng Dư, 2008. Lí luận văn học. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Bình, 2012. Văn xuôi Việt Nam sau 1975. NXB Đại học Sư phạm
3. Nguyễn Minh Châu, 1977. *Miền cháy*. NXB Quân đội Nhân dân.
4. Nguyễn Văn Long, Lã Nhâm Thìn, 2009. Văn học Việt Nam sau 1975 – Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy. NXB Giáo dục.
5. Nhiều tác giả, 2016. Nhà văn của em. NXB Kim Đồng.
6. Phương Lựu, 1997. Lí luận văn học. NXB Giáo dục.

THE CHARACTERIZATION IN NGUYEN MINH CHAU'S NOVEL "MIEN CHAY"

Phan Van Tien^{*}, Pham Thi Thuy Kieu, La Thi My Hanh and Huynh Ngoc Kha
Tay Do University

(*Email: phanvantien1984@gmail.com)

ABSTRACT

In the novel Mien chay, writer Nguyen Minh Chau has built the characterization as an effective method of reflecting the soul and quality of the Vietnamese people. During the war, they lived and fought whole-heartedly for their homeland, were absolutely loyal to the revolution and were bound together in comradeship and compatriotism. On the day of peace, they continued to work hard to reconstruct burning lands and heal the wounds of war that were still present in every person and every home. Above all is the rights of humanity, the spirit of national unity and noble humanitarianism, which has created great strength and adhesion to help Vietnamese people firmly overcome all challenges of life. Through the success of building characterization in the novel, Mien chay has once again clearly demonstrated Nguyen Minh Chau's radical artistic thinking and talent, making a significant contribution to the modernization of Vietnamese literature.

Keywords: *Mien chay novel, characterization, Nguyen Minh Chau*